

Na Sang, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Hin 2, xã Na Sang, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0967608283

- Trang thông tin điện tử: <https://thso1nasang.muongcha.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Na Sang, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

1. Sứ mệnh:

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc, nơi học sinh và giáo viên được phát triển toàn diện trong môi trường thân thiện, sáng tạo và đầy cảm hứng. Tại đây, học sinh có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng, rèn luyện kỹ năng sống và phẩm chất tốt đẹp. Giáo viên được tạo điều kiện để trở thành những nhà giáo xuất sắc, yêu nghề và sáng tạo, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai của học sinh.

2. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT tiểu học Số 1 Na Sang phấn đấu trở thành một trường tiểu học tiên tiến, có chất lượng giáo dục toàn diện hàng đầu xã, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, là địa chỉ tin cậy cho phụ huynh, nơi học sinh và giáo viên sáng tạo, đột phá và vươn tới thành công.

3. Mục tiêu

Đến năm 2030, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

3.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ II, nâng cao một số tiêu chí, đặc biệt tiêu chí về cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ cán bộ quản lý: Thạc sĩ: 3/3 đồng chí đạt 100%.

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn 3 đồng chí đạt 10%.

3.3. *Chất lượng học sinh:*

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 99%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

3.4. *Thư viện và thiết bị dạy học*

Duy trì thư viện đạt thư viện chuẩn mức độ 2; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đặc biệt chú trọng bổ sung các trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy và học, yêu cầu đổi mới giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Được Chia tách từ huyện Điện Biên về huyện Mường Chà từ năm 1997, lúc đó trường tiểu học thuộc xã Mường Mươn, đến tháng 8 năm 2000 trường được nâng cấp thành trường THCS Mường Mươn. Sau đó, đến tháng 8 năm 2003, trường được chia tách thành 2 trường tiểu học và 1 trường THCS; trường mang tên TH số 2 Mường Mươn. Đến tháng 6 năm 2007, Xã Mường Mươn được chia tách thành 2 xã Mường Mươn và Na Sang, trường mang tên trường TH Na Sang; Đến ngày 01/7/2009 Trường Tiểu học xã Na Sang lại được chia tách thành hai trường: Tiểu học Số 1 và TH số 2 Na Sang theo QĐ số: 617/ QĐ-UB ngày 19 tháng 6 năm 2009 của UBND huyện Mường Chà;

Trong những năm qua, trường đã phấn đấu không ngừng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ các năm học. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, đã đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh địa phương. Năm học 2009-2010, trường Tiểu học Số 1 Na Sang đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được UBND Tỉnh Điện Biên tặng cờ thi đua xuất sắc. Trường được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi trên địa bàn. Năm học 2011-2012, trường được công nhận là trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Năm học 2013-2014, trường được UBND tỉnh công nhận đạt cấp độ III về chất lượng giáo dục. Năm học 2017-2018, trường được UBND tỉnh công nhận lại duy trì vững chắc trường đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Năm học 2022-2023, trường được UBND tỉnh công nhận trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2. Đến ngày 20 tháng 10 năm 2021, trường được thành lập với tên gọi trường PTDTBT TH số 1 Na Sang theo quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND huyện Mường Chà.

Trong những năm qua, Trường PTDTBT Tiểu học Số 1 Na Sang liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” và tặng Giấy khen, Bằng khen các cấp và nhận cờ thi đua của Tỉnh. Năm học 2007-2008 và năm học 2022-2023 nhận cờ thi đua của UBND Tỉnh, năm học 2023-2024 nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm học 2023-

2024 Đạt giải Quán quân toàn quốc và giải Trường học Ấn tượng khu vực Châu Á, năm học 2024-2025 đạt giải Khuyến khích toàn quốc cuộc thi Trường học lành mạnh nhất AIA, Bằng khen của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung Ương. Hằng năm, có trên 85% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến, 6-7 cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”

Nhà trường đã từng bước cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học, xây dựng nhà trường xanh – sạch – đẹp – thân thiện; chất lượng giáo viên được nâng cao, nhà trường có 70% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp; chất lượng học sinh được nâng lên rõ rệt, hàng năm có trên 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc ngày càng cao, có nhiều học sinh tham gia các kỳ thi năng khiếu, sân chơi trí tuệ đạt giải cao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Phạm Thị Thu Hằng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang, Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0967.608.283
- Gmail: hangptt.ththitran.muongcha@dienbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

QĐ số 617/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2009 của UBND huyện Mường Chà. Quyết định về việc đổi tên, chia tách thành lập các đơn vị trường học thuộc phòng giáo dục huyện

QĐ số 3283/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Mường Chà. Quyết định về việc thành lập trường PTDTBT TH số 1 Na Sang từ trường tiểu học số 1 Na Sang

QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Mường Chà. Quyết định về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với trường PTDTBT TH số 1 Na Sang.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

QĐ số 5492/QĐ-UBND, ngày 3/10/2023 của UBND huyện Mường Chà về việc thành lập Hội đồng trường PTDTBT TH số 1 Na Sang nhiệm kỳ 2023 – 2028.

QĐ số 5698/QĐ-UBND, ngày 10/10/2023 của UBND huyện Mường Chà về việc công nhận chức danh chủ tịch HĐ trường các trường tiểu học, PTDTBT TH nhiệm kỳ 2023 - 2028.

QĐ số 13/QĐ-UBND, ngày 3/1/2025 của UBND huyện Mường Chà về việc kiện toàn các Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023-2028.

Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Bà Phạm Thị Thu Hằng	BTCB, Hiệu trưởng	
2.	Bà Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch công đoàn	
3.	Bà Trần Thị Liên	Phó Hiệu trưởng	
4.	Bà Dương Thị Hằng	Phó hiệu trưởng	
5.	Bà Phạm Thị Bình	Tổ trưởng tổ CM khối 4+5	
6.	Ông Cà Văn Dinh	Tổ trưởng tổ CM khối 2+3	
7.	Bà Nguyễn Thị Mận	Tổ trưởng tổ CM khối 1	
8.	Bà Nguyễn Thị Lý	Tổ trưởng tổ văn phòng	
9.	Bà Lò Thị Quý	Giáo viên	
10.	Ông Cà Văn Keo	Phó CT UBND xã	
11.	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh		

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 3712/QĐ-UBND Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý ngày 12 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Mường Chà;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: Quyết định số 3712/QĐ-UBND Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý ngày 12 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Mường Chà;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1: Quyết định số 6353/QĐ-UBND Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý ngày 14 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Mường Chà;

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục

của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 29 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Công đoàn có 38 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 466 đội viên và nhi đồng

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 3 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. QĐ số 617/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2009 của UBND huyện Mường Chà. Quyết định về việc đổi tên, chia tách thành lập các đơn vị trường học thuộc phòng giáo dục huyện

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Thị Thu Hằng	Hiệu trưởng	0967 608 283	hangptt.ththitrان.muongcha@dienbien.edu.vn
2	Trần Thị Liên	Phó hiệu trưởng	0984980808	lientt.thsalong.muongcha@dienbien.edu.vn
3	Dương Thị Hằng	Phó hiệu trưởng	0981531799	hangdt.ptdtbttso1nasang.muongcha@dienbien.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào

tạo: Tổng số 38 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	9	
2	Giáo viên TH hạng III	21	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			

1	Vị trí việc làm Thiết bị	1	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	2	
2	Nhân viên phục vụ	0	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 1 điểm trường chính và 03 điểm trường lẻ với tổng diện tích là 13.435,1 m²/466 học sinh, trung bình đạt 28,8 m²/học sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Số lượng các phòng và công trình phụ trợ cụ thể như sau:

Loại phòng (nhà)	Tổng số	Phân loại			Ghi chú
		Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	

Phòng học	20	14	6	0	
Phòng học bộ môn	4	4	0	0	
Phòng chức năng	1	1	0	0	
Phòng hội đồng	1	1	0	0	
Phòng thiết bị	1	0	1	0	
Phòng thư viện	1	1	0	0	
Phòng y tế	1	0	1	0	
Phòng hành chính	1	1	0	0	
Phòng bảo vệ	1	1	0	0	
Phòng công vụ	7	1	6	0	
Công trình vệ sinh	6	4	1	1	
Bếp ăn	1	0	1	0	
Nhà ăn	1	0	0	1	
Nhà ở của HS bán trú	5	0	5	0	

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thông và hoạt động Đội; phòng khoa học công nghệ các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 21 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và tivi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

*** Thiết bị dạy học**

Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
Máy tính phục vụ học tập	21	
Máy tính dùng cho quản lý	4	
Máy tính phục vụ văn phòng	3	
Máy chiếu	5	
Máy phô tô	0	
Bảng chống lóa	20	
Bộ bàn ghế dành cho giáo viên	20	
Bộ bàn ghế dành cho học sinh (bộ)	232	
Sách giáo khoa	466	
Thiết bị dạy học GV	20	
Thiết bị dạy học HS	466	

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo Phòng GD&ĐT đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng từ năm học 2020-2021 tại trường PTDTBT TH số 1 Na Sang.

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, ..., Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm	
2	Toán 1	Hà Huy Khoái, Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng,..., Bùi Bá Mạnh	
3	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan, Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga	
4	Tự nhiên và xã hội 1	Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thán,..., Hoàng Quý Tinh	

I. Bộ sách Cánh diều			
1	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang, Nguyễn Công Trường	
2	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiền	
3	Mĩ Thuật 1	Phạm Văn Tuyến, Nguyễn Thị Đông, ..., Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang	
4	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế	

4.2. Danh mục sách giáo khoa lớp 2 sử dụng từ năm học 2021-2022 tại trường PTDTBT TH số 1 Na Sang.

(Kèm theo QĐ số: 534/QĐ-UBND ngày 13/04/2021 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 2	Tổng chủ biên: Bùi Mạnh Hùng Chủ biên: Bùi Mạnh Hùng – Trần Thị Hiền Lương. Tác giả: Đỗ Hồng Dương – Vũ Thị Thanh Hương – Vũ Thị Lan – Nguyễn Thị Ngọc Minh – Trần Kim Phụng.	
2	Toán 2	Tổng chủ biên: Hà Huy Khoái Chủ biên: Lê Anh Vinh Tác giả: Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương- Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hương – Bùi Bá Mạnh.	
3	Đạo đức 2	Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Toan Chủ biên: Trần Thành Nam Tác giả: Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung – Lê Thị Tuyết Mai.	
4	Tự nhiên và xã hội 2	Tổng chủ biên: Đỗ Xuân Hội Chủ biên: Nguyễn Thị Thu Hằng Tác giả: Lưu Phương Thanh Bình – Trần Thị Thu Hiền – Lý Khánh Hoa – Mai Thị Kim Phụng.	
5	Mĩ Thuật 2	Tổng chủ biên: Đoàn Thị Mỹ Hương – Đinh Gia Lê. Chủ biên: Trần Thị Biễn. Tác giả: Phạm Duy Anh – Bạch Ngọc Diệp – Trần Thị Thu Trang - Bùi Quang Tuấn.	
6	Giáo dục thể	Tổng chủ biên: Nguyễn Duy Quyết – Hồ Đắc Sơn.	

	chất 2	Chủ biên: Lê Anh Thơ Tác giả: Nguyễn Thị Hà – Đỗ Mạnh Hưng – Vũ Văn Thịnh – Vũ Thị Hồng Thu – Vũ Thị Thu – Nguyễn Thành Trung – Nguyễn Duy Tuyền – Phạm Mai Vương.	
7	Âm nhạc 2	Tổng chủ biên: Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính. Chủ biên: Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính. Tác giả: Nguyễn Thị Thanh Bình - Mai Linh Chi - Nguyễn Thị Phương Mai - Nguyễn Thị Nga - Đặng Khánh Nhật - Trần Thị Kim Thăng - Nguyễn Thị Thanh Vân.	
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Tổng chủ biên: Lưu Thu Thủy – Bùi Sỹ Tụng Chủ biên: Nguyễn Thụy Anh – Nguyễn Thanh Bình Tác giả: Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình – Bùi Thị Hương Liên – Lê Thị Luận – Trần Thị Tố Oanh – Trần Thị Thu.	
9	Tiếng Anh 2	Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân Chủ biên: Lương Quỳnh Trang Tác giả: Nguyễn Thị Lan Anh - Đỗ Ngọc Hiền - Nguyễn Bích Thủy - Nguyễn Quốc Tuấn.	

4.3. Danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng từ năm học 2022-2023 tại trường PTDTBT TH số 1 Na Sang.

(Kèm theo QĐ số: 725/QĐ-UBND ngày 28/04/2022 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	
4	TN&XH 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán	

		(Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	
5	Tin học 3	Nguyễn Tương Tri (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh.	
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	
7	GDTC 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	
8	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	
9	HĐTN 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	
10	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	
11	Tiếng Anh 3 (i-Leam Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	

4.4. Danh mục sách giáo khoa lớp 4 sử dụng từ năm học 2023-2024 tại trường PTDTBT TH số 1 Na Sang.

(Kèm theo QĐ số: 699/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh cảm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh	Giáo dục Việt Nam

		Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Giáo dục Việt Nam
4	LS&ĐL 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Nguyễn Tương Tri (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh.	Đại học Huế
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Oanh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Giáo dục Việt Nam

4.5. Danh mục sách giáo khoa lớp 5 sử dụng từ năm học 2025-2026 tại trường PTDTBT TH số 1 Na Sang.

(Kèm theo QĐ số: 877/QĐ-UBND ngày 10/05/2024 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sách	Tên tác giả (Tổng chủ biên/chủ biên)	Ghi chú
I. Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống			
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	
6	Tin học 5	Nguyễn Tương Tri (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Phúc Xuân Quỳnh.	Nhà xuất bản Đại học Huế
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	
8	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	

9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	
10	Mĩ Thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biễn, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	
11	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm: có 93 đầu sách, 287 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 296 quyển.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục - Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

***Đánh giá theo từng tiêu chí**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	-
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	X

Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

* Ngày 28 tháng 4 năm 2023 nhà trường được UBND tỉnh Quyết định công nhận đạt kiểm định mức độ 3 và trường đạt chuẩn mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của học kỳ I năm học 2025-2026:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2025 – 2026 nhà trường có tổng số **466** học sinh, số học sinh nữ là 227 em chiếm 48,7%. Có **20** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 23.3 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 95,9% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 466/466 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; trong học kỳ I năm học 2025-2026

Khối 1- 5 (Theo thông tư 27/2020)

Kết quả học tập	Số	Tổng số	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5		
			Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số		Tổng số	Trong tổng số	
				Nữ	KT		Nữ	KT		Nữ	KT		Nữ	KT		Nữ	KT
1. Tiếng Việt	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		224	38	20		41	22		50	25		51	29		44	20	
Hoàn thành		226	45	18		38	16		54	32	1	48	17	1	41	24	
Chưa hoàn thành		16	7	3	1	3	1	1	5			1					
2. Toán	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		225	38	20		44	21		47	21		54	29		42	19	
Hoàn thành		224	46	18		35	17		58	36	1	44	17	1	41	24	
Chưa hoàn thành		17	6	3	1	3	1	1	4			2			2	1	
3. Đạo đức	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		236	41	22		51	26		51	24		52	29		41	19	
Hoàn thành		230	49	19	1	31	13	1	58	33	1	48	17	1	44	25	
Chưa hoàn thành																	
4. Tự nhiên và Xã hội	281	281	90	41	1	82	39	1	109	57	1						
Hoàn thành		130	40	21		40	20		50	20							

tốt																	
Hoàn thành		150	50	20	1	41	18		59	37	1						
Chưa hoàn thành		1				1	1	1									
5. Khoa học	185	185										100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		106										59	31		47	22	
Hoàn thành		79										41	15	1	38	22	
Chưa hoàn thành																	
6. LS&DL	185	185										100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		102										59	32		43	21	
Hoàn thành		83										41	14	1	42	23	
Chưa hoàn thành																	
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		225	38	19		41	21		48	22		51	29		47	23	
Hoàn thành		241	52	22	1	41	18	1	61	35	1	49	17	1	38	21	
Chưa hoàn thành																	
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		233	42	21		46	24		48	22		52	30		45	21	
Hoàn thành		233	48	20	1	36	15	1	61	35	1	48	16	1	40	23	
Chưa hoàn thành																	
9. Hoạt động trải nghiệm	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		219	38	20		39	20		46	20		51	29		45	21	
Hoàn thành		247	52	21	1	43	19	1	63	37	1	49	17	1	40	23	
Chưa hoàn thành																	
10. Giáo dục thể chất	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		236	42	21		46	21		51	22		52	29		45	21	
Hoàn thành		230	48	20	1	36	18	1	58	35	1	48	17	1	40	23	
Chưa hoàn thành																	
11. TH-CN (Công nghệ)	294	294							109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		145							46	21		51	28		48	24	
Hoàn thành		149							63	36	1	49	18	1	37	20	
Chưa hoàn thành																	
12. TH-CN (Tin học)	294	294							109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		141							47	21		52	29		42	20	
Hoàn thành		150							59	34	1	48	17	1	43	24	

Chưa hoàn thành		3							3	2							
13. Ngoại ngữ	466	294							109	57	1	100	46	1	85	44	
Hoàn thành tốt		142							47	21		52	29		43	21	
Hoàn thành		148							59	34	1	47	17	1	42	23	
Chưa hoàn thành		4							3	2		1					
14. Tiếng dân tộc	466																
Hoàn thành tốt																	
Hoàn thành																	
Chưa hoàn thành																	
II. Năng lực cốt lõi																	
Năng lực chung																	
Tự chủ và tự học	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Tốt		218	38	19		40	21		45	20		51	29		44	20	
Đạt		237	45	19		41	18	1	61	35	1	49	17	1	41	24	
Cần cố gắng		11	7	3	1	1			3	2							
Giao tiếp và hợp tác	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Tốt		217	37	19		39	20		46	21		51	29		44	20	
Đạt		238	46	19		42	19	1	60	34	1	49	17	1	41	24	
Cần cố gắng		11	7	3	1	1			3	2							
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Tốt		215	36	19		39	20		45	20		51	29		44	20	
Đạt		238	47	19		40	18		61	35	1	49	17	1	41	24	
Cần cố gắng		13	7	3	1	3	1	1	3	2							
Năng lực đặc thù																	
Ngôn ngữ	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Tốt		225	39	20		41	22		50	25		51	29		44	20	
Đạt		224	44	18		38	16		54	32	1	47	17	1	41	24	
Cần cố gắng		17	7	3	1	3	1	1	5			2					
Tính toán	466	466	90	41	1	82	39	1	109	57	1	100	46	1	85	44	
Tốt		226	37	20		45	21		47	21		54	29		43	20	
Đạt		224	47	18		34	17		58	36	1	45	17	1	40	23	
Cần cố gắng		16	6	3	1	3	1	1	4			1			2	1	
Tin học	294	294							109	57	1	100	46	1	85	44	
Tốt		141							47	21		52	29		42	20	
Đạt		150							59	34	1	48	17	1	43	24	
Cần cố gắng		3							3	2							

[illegible]

cấp trường																	
- Giấy khen cấp trên																	
V. HSDT được trợ giảng																	
VI. HS.K.Tật		4	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1			
VII. HS bỏ học kỳ I																	
+ Hoàn cảnh GĐKK																	
+ KK trong học tập																	
+ Xa trường, đi lại K.khăn																	
+ Thiên tai, dịch bệnh																	
+ Nguyên nhân khác																	

Cuộc thi Tiếng anh IOE: cấp trường 9 HS đạt giải; cấp xã 07 HS đạt giải; cấp tỉnh 07 đang ôn luyện chuẩn bị thi.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 85/85 học sinh đang theo học chương trình lớp 5 học kỳ I năm học 2025-2026.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác).

STT	Nội dung	Năm báo cáo 2025	Ghi chú
1	Thu từ nguồn NSNN cấp cho hoạt động thường xuyên (tự chủ)	12.062.995.200	
2	Thu từ nguồn NSNN (không tự chủ)	2.941.296.120	
3	Thu học phí		
4	Thu phí, lệ phí (phần được để lại chi theo quy định)		
5	Thu dịch vụ		
6	Thu dịch vụ tổ chức dạy thêm, học thêm		

7	Thu từ nguồn tài trợ cho các hoạt động giáo dục (Nuôi Em)	128.761.000	
8	Nguồn thu khác		

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 11.592.004.238 đ

Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 147.757.870 đ ;

Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): 0 đồng;

Chi khác: 323.233.092 đồng.

- Tất cả các khoản chi năm 2025:

STT	Nội dung	Năm 2025	Ghi chú
Nguồn tự chủ			
1	Chi tiền lương cho VC-NLĐ	9.821.099.758	
2	Chi trả tiền dạy HS khuyết tật	126.936.881	
3	Chi tiền ngoài trời cho Gv dạy thể dục	47.034.000	
4	Chi phép	9.680.000	
5	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng.	74.106.000	
6	Chi các khoản đóng góp	1.599.747.000	
7	Chi dạy tăng cường tiếng việt	21.600.000	
8	Chi tiền dạy xóa mù	74.955.400	
9	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	9.000.000	
10	Chi vật tư văn phòng	37.244.126	
11	Chi thông tin tuyên truyền liên lạc	4.338.000	
12	Chi công tác phí	49.144.000	
13	Chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình CSHT	75.331.744	

14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	62.888.291	
15	Mua sắm tài sản	49.890.000	
Nguồn không tự chủ			
1	Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	374.100.000	
2	Mua sắm tài sản	189.954.620	

c. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

STT	Nội dung	Năm 2025	
		Số học sinh (người)	Số tiền
1	Hỗ trợ chi phí học tập	922	620.250.000
2	Khuyết tật	9	68.550.000
3	Bán trú	355	1.688.441.500

d. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

- Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp.
- Công khai quyết toán tài chính hàng quý, hàng năm.
- Công khai các khoản thu theo phê duyệt của UBND xã.
- Công khai Quy chế chi tiêu nội bộ.

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

- Kinh nhận tài trợ , viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 41.305.000 đồng

- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ , viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 41.305.000 đồng;

- Kinh nhận nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 -2025: 29.870.000 đồng

- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 -2025: 29.870.000 đồng;

- Kinh phí nhận nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2025 - 2026 : 28.310.000 đồng

- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2025 – 2026: 0 đồng;

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 109 đội viên mới trong năm học.

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ: CB, GV, NV ủng hộ các loại quỹ từ tháng 7-12/2025 được:

STT	Nội dung	Ngày tháng nộp	Số tiền
1	Ủng hộ thiên tai ở Điện Biên	12/08/2025	7.740.000
2	Ủng hộ người dân bị thiệt hại do cơn bão số 10	30/10/2025	3.490.000
3	Ủng hộ trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh khó khăn	04/11/2025	2.857.000
4	Ủng hộ quỹ vì người nghèo năm 2025	10/11/2025	3.490.000
5	Quỹ phòng chống thiên tai	10/11/2025	2.250.000
6	Ủng hộ đồng bào tây nguyên, miền trung bị thiệt	11/12/2025	9.810.000

	hại mưa lũ		
7	Quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2025	26/12/2025	1.840.000
8	Quỹ khuyến học, khuyến tài năm 2025	26/12/2025	7.840.000
	Tổng		39.317.000

- Bên cạnh đó nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.
- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường làm vườn rau, làm đồ chơi ngoài trời cho con em.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai
- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.
- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- Chi bộ trường có 29 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong kết nạp 05 đảng viên mới, xét cho 02 quần chúng ưu tú đi học lớp nhận thức về Đảng, 02 đảng viên tham gia học lớp đảng viên mới.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Năm 2025 nhà trường không được đầu tư xây dựng lớp học và các phòng chức năng cũng như các công trình khác. Được đầu tư mua sắm thiết bị và đồ dùng dạy học trị giá 97.680.000 đồng.

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025-2026 của trường PTDTBT TH số 1 Na Sang theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thu Hằng